TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Cử nhân**

Khóa đào tạo: **Khóa 22 (2026 - 2030)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **122**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

Học kỳ 1: 15 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 12, tự chọn: 3)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**12**			
QT70047	Nguyên lý quản trị	2	30	30	0
LH70012	Tổng quan du lịch	3	45	45	0
LH70031	Địa lý tài nguyên du lịch	2	30	30	0
LH70036	Văn hóa và ẩm thực Việt Nam	3	45	45	0
LH71001	Kỹ năng hoạt náo	2	30	30	0
TH70001	Tin học 1*	2	45	15	30
CB70411	Bơi lội*	1	30	0	30
Học phần tự chọn		**3**			
Học phần Ngoại ngữ (Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**			
TA71331	English 1	3	45	45	0
TQ71321	Chinese 1	3	45	45	0
Học kỳ 2: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 9 tự chọn: 9)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**

Học phần bắt buộc		**9**			
KT70101	Nguyên lý kế toán	3	45	45	0
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
CB70201	Toán kinh tế	3	45	45	0
TH70002	Tin học 2*	2	60	0	60
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 *	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 *	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 *	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 *	2	60	0	60
Học phần tự chọn		**9**			
Học phần Ngoại ngữ (Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**			
TA71332	English 2	3	45	45	0
TQ71322	Chinese 2	3	45	45	0
Học phần kỹ năng (chọn 1 trong 2 học phần)		**2**			
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng mối quan hệ	2	30	30	0
CB70306	Kỹ năng Đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
Học phần Cơ sở ngành (Chọn 2 trong 4 học phần)		**4**			
LH71019	Văn hóa các nước ASEAN	2	30	30	
LH71020	Lễ tân ngoại giao	2	30	30	
LH71022	Khai thác di sản văn hóa trong phát triển du lịch	2	30	30	0
QT71042	Trách nhiệm xã hội	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 4 học phần)		**1**			
CB71412	Bóng đá*	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền*	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông*	1	30	0	30

CB71410	Pickleball*	1	30	0	30
Học kỳ 3: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 12, tự chọn: 9)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**12**			
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
LH70004	Tâm lý và hành vi khách hàng	3	45	45	0
LH70039	Kinh tế du lịch	3	45	45	0
Học phần tự chọn		**9**			
Kiến thức khoa học xã hội và nhân văn (chọn 3 trong 4 học phần)		**6**			
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30	0
Học phần Ngoại ngữ (Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**			
TA71333	English 3	3	45	45	0
TQ71323	Chinese 3	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**1**			
CB71407	Bóng rổ*	1	30	0	30
CB71413	Fitness*	1	30	0	30
CB71414	Võ thuật*	1	30	0	30
HỌC KỲ 4: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 9, tự chọn: 9)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**9**			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0

LH70028	Pháp luật về du lịch	3	45	45	0
DD70040	Thực hành sơ cấp cứu ban đầu	2	60	0	0
QT70045	Quản trị chiến lược	2	30	30	60
Học phần tự chọn		**9**			
Học phần chuyên ngành: Chọn 1/2 chuyên ngành		**9**			
Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành		**9**			
LH70013	Tuyến điểm du lịch	3	45	45	0
LH70023	Nghiệp vụ hướng dẫn	3	60	30	30
LH71026	Các loại hình du lịch hiện đại	3	45	45	0
Chuyên ngành Quản trị dịch vụ hàng không		**9**			
LH71025	An toàn hàng không	3	45	45	0
LH71027	Dịch vụ hành khách tại cảng hàng không	3	45	45	0
LH71029	Nghiệp vụ tiếp viên hàng không	3	60	30	30
Học phần Ngoại ngữ* (Chọn 1 trong 2 học phần)					
TA71334	English for International Certification*	9	135	135	0
TQ71324	Chinese for International Certification*	9	135	135	0
HỌC KỲ 5: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 15, tự chọn: 5)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**15**			
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
QT70011	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	45	0
QT70050	Quan hệ công chúng và truyền thông	3	45	45	0
LH70022	Tổ chức sự kiện	3	60	30	30
KS70004	Chuyển đổi số trong du lịch-khách sạn	2	30	30	0
TC71205	Thanh toán quốc tế	2	30	30	0

Học phần tự chọn		**5**			
Học phần chuyên ngành: Chọn 1/2 chuyên ngành		**5**			
Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành		**5**			
LH71024	Thực tập chuyên ngành lữ hành	2	90	0	0
LH71030	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	3	45	45	0
Chuyên ngành Quản trị dịch vụ hàng không		**5**			
LH71023	Thực tập chuyên ngành hàng không	2	90	0	0
LH71031	Tiếng Anh phục vụ hành khách trên không	3	45	45	0
HỌC KỲ 6: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 6)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**14**			
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
LH70035	Tiếp thị sản phẩm du lịch	3	45	45	0
LH70037	Nghiệp vụ hải quan và xuất nhập cảnh	3	45	45	0
LH70038	Quản trị hãng vận chuyển	3	45	45	0
KS70010	Quản trị chất lượng dịch vụ	3	45	45	0
Học phần tự chọn		**6**			
Học phần chuyên ngành: Chọn 1/2 chuyên ngành		**6**			
Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành		**6**			
LH70005	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	45	45	0
LH70011	Thiết kế và điều hành tour	3	45	45	0
Chuyên ngành Quản trị dịch vụ hàng không		**6**			
LH71028	Quản trị vận hành và kinh doanh dịch vụ mặt đất	3	45	45	0
LH71032	Tiếng Anh phục vụ mặt đất tại cảng hàng không	3	45	45	0
HỌC KỲ 7: 4 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 4, tự chọn: 0)					

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp		***4***			
LH70025	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	180
HỌC KỲ 8: 6 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 0, tự chọn: 6)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Khóa luận tốt nghiệp		***6***			
LH70026	Khoá luận tốt nghiệp	6	180	0	180
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		***6***			
LH70030	Chuyên đề tốt nghiệp	3	45	45	0
Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành		**3**			
LH70027	Quản trị đổi mới trong du lịch	3	45	45	0
Chuyên ngành Quản trị dịch vụ hàng không		**3**			
LH70040	Quản trị thương mại cảng hàng không	3	45	45	0